

Số: /2024/TT-BGDĐT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

THÔNG TƯ

Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

Căn cứ Luật Giáo dục ngày 14 tháng 6 năm 2019;

Căn cứ Nghị định số 86/2022/NĐ-CP ngày 24 tháng 10 năm 2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Cơ sở vật chất;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Quy định tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT ngày 26 tháng 5 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo (sau đây gọi tắt là Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT)

1. Bổ sung khoản 3 và khoản 4 Điều 1 như sau:

“3. Trường Phổ thông vùng cao Việt Bắc, Trường Hữu nghị 80, Trường Hữu nghị T78 được áp dụng quy định này để thực hiện chương trình giáo dục phổ thông.

4. Trường dự bị đại học được áp dụng quy định này để thực hiện chương trình bồi dưỡng dự bị đại học.”.

2. Sửa đổi khoản 1 và khoản 2 Điều 2 như sau:

“1. Công trình kiên cố là các công trình/nhà có niên hạn sử dụng không nhỏ hơn 50 năm và ba kết cấu chính đều được làm bằng vật liệu bền chắc, bao gồm:

a) Phần kết cấu chịu lực chính làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, gạch/đá, sắt/thép/gỗ bền chắc;

b) Mái làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, tôn, ngói (xi măng, đất nung);

c) Tường bao che làm bằng các loại vật liệu: bê tông cốt thép, gạch/đá, gỗ/kim loại.

2. Công trình bán kiên cố là các công trình/nhà có niên hạn sử dụng nhỏ hơn 50 năm và hai trong ba kết cấu chính đáp ứng theo quy định tại khoản 1 Điều này, trong đó phần kết cấu chịu lực chính là bắt buộc theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.”.

3. Bổ sung khoản 3 Điều 4 như sau:

“3. Các hạng mục khác phục vụ hoạt động quản lý, giáo dục (nếu có) thực hiện theo quy định của Chính phủ về tiêu chuẩn, định mức sử dụng trụ sở làm việc, cơ sở hoạt động sự nghiệp.”.

4. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 5 như sau:

“2. Quy mô

a) Trường mầm non có quy mô tối thiểu 09 nhóm, lớp và tối đa 30 nhóm, lớp. Đối với trường tại các xã thuộc vùng khó khăn, xã có quy mô dân số dưới 5000 người và các trường dân lập, tư thục có quy mô tối thiểu 05 nhóm, lớp; trường tại khu vực hải đảo có quy mô tối thiểu 03 nhóm, lớp;

b) Căn cứ điều kiện các địa phương, có thể bố trí các điểm trường ở những địa bàn khác nhau để tạo điều kiện thuận lợi cho trẻ em đến trường. Bố trí không quá 05 điểm trường; đối với trường tại các xã thuộc vùng khó khăn, tùy theo điều kiện thực tế có thể bố trí không quá 08 điểm trường, trường hợp đặc biệt tại các địa bàn có địa hình hiểm trở, chia cắt bố trí không quá 12 điểm trường.”.

5. Sửa đổi khoản 3 Điều 5 như sau:

“3. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (bao gồm các điểm trường) được xác định trên cơ sở số nhóm, lớp, số trẻ em với bình quân tối thiểu 12m² cho một trẻ em; đối với các đô thị loại III trở lên (theo công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền) cho phép bình quân tối thiểu 8m² cho một trẻ em.”.

6. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 6 như sau:

“2. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

a) Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em

Bảo đảm mỗi nhóm, lớp có một phòng, bao gồm các phân khu chức năng:

Khu sinh hoạt chung để tổ chức các hoạt động học, chơi và ăn;

Nơi ngủ (đối với nhóm, lớp mẫu giáo có thể sử dụng chung với khu sinh hoạt chung);

Khu vệ sinh được xây dựng khép kín với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em, có vách ngăn cao không nhỏ hơn 1,50 m giữa chỗ đi tiểu và bồn cầu, bố trí từ 02 đến 03 tiểu treo dùng cho trẻ em trai (hoặc máng tiểu có chiều dài tối thiểu

2,0m) và từ 02 đến 03 xí bột dùng cho trẻ em gái, khu vực rửa tay của trẻ em được bố trí riêng với tiêu chuẩn 08 trẻ em/chậu rửa, các thiết bị vệ sinh được lắp đặt phù hợp với độ tuổi; đối với trẻ em mẫu giáo cần bố trí nhà vệ sinh riêng cho trẻ em trai, trẻ em gái; trường hợp khu vệ sinh được xây dựng riêng biệt phải liên thông với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em qua hành lang giao thông, thuận tiện cho sử dụng và dễ quan sát; có thể trang bị thêm hệ thống thiết bị cấp nước nóng phù hợp với điều kiện thực tế;

Hiên chơi, đón trẻ em: thuận tiện cho việc đưa, đón và sinh hoạt của trẻ em khi trời mưa, nắng; xung quanh hiên chơi cần có lan can với chiều cao không nhỏ hơn 01m;

Hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; hệ thống quạt (có thể trang bị thêm hệ thống điều hòa không khí phù hợp với điều kiện thực tế);

b) Phòng giáo dục thể chất, nghệ thuật: liên thông với phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em qua hành lang giao thông, bảo đảm có 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng (hoặc khu) giáo dục thể chất. Điểm trường có quy mô từ 05 nhóm, lớp trở lên, bố trí 01 phòng sử dụng chung cho giáo dục nghệ thuật và giáo dục thể chất;

c) Sân chơi: lắp đặt các thiết bị đồ chơi ngoài trời theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

d) Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

7. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 7 như sau:

“2. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

a) Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật: có tối thiểu 01 phòng giáo dục nghệ thuật và 01 phòng giáo dục thể chất;

b) Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 8 như sau:

“1. Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ em

a) Phòng nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ em được bổ sung các phân khu chức năng:

Kho nhóm, lớp để chứa đồ dùng, đồ chơi phục vụ sinh hoạt và học tập;

b) Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật: đối với trường có quy mô lớn hơn 14 nhóm, lớp có tối thiểu 02 phòng giáo dục nghệ thuật, 01 phòng giáo dục thể chất;

c) Phòng làm quen tin học, ngoại ngữ: có tối thiểu 01 phòng với thiết bị phù hợp, phục vụ các hoạt động vui chơi, khám phá và làm quen với công nghệ thông tin, ngoại ngữ của trẻ em.”.

9. Sửa đổi điểm a khoản 2 Điều 9 như sau:

“a) Trường tiểu học có quy mô tối thiểu 10 lớp và tối đa 40 lớp. Đối với trường tại các xã thuộc vùng khó khăn có quy mô tối thiểu 05 lớp;”.

10. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 9 như sau:

“3. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (bao gồm các điểm trường) được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10m² cho một học sinh; đối với các đô thị loại III trở lên (theo công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền) cho phép bình quân tối thiểu 6m² cho một học sinh. Đối với trường có tổ chức nội trú hoặc ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú; ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú bảo đảm tối thiểu 6m² cho một học sinh.”.

11. Sửa đổi khoản 5 Điều 9 như sau:

“5. Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cao không quá 05 tầng; bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng.”.

12. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 10 như sau:

“2. Khối phòng học tập

a) Phòng học: bảo đảm mỗi lớp có một phòng học riêng; có thể sử dụng làm nơi nghỉ trưa cho học sinh (nếu có); được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; hệ thống quạt (có thể trang bị thêm hệ thống điều hòa không khí phù hợp với điều kiện thực tế); hệ thống tủ đựng hồ sơ, thiết bị dạy học;

b) Phòng học bộ môn: có tối thiểu 03 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học, Công nghệ, Tự nhiên và xã hội, Tin học, Ngoại ngữ. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

13. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 10 như sau:

“a) Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;”.

14. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 11 như sau:

“2. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 04 phòng học bộ môn, đối với trường có quy mô lớn hơn 25 lớp có tối thiểu 06 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Khoa học, Công nghệ, Tự nhiên và xã hội, Tin học, Ngoại ngữ. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường tiểu học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

15. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 12 như sau:

“2. Khối phụ trợ

a) Phòng nghỉ giáo viên: có tối thiểu 01 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

b) Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.”.

16. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 13 như sau:

“3. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường (bao gồm các điểm trường) được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10m² cho một học sinh; đối với các đô thị loại III trở lên (theo công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền) cho phép bình quân tối thiểu 6m² cho một học sinh. Đối với trường có tổ chức nội trú hoặc ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú; ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú bảo đảm tối thiểu 6m² cho một học sinh.”.

17. Sửa đổi khoản 5 Điều 13 như sau:

“5. Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cao không quá 05 tầng; bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng.”.

18. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 14 như sau:

“2. Khối phòng học tập

a) Phòng học: bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; hệ thống quạt (có thể trang bị thêm hệ thống điều hòa không khí phù hợp với điều kiện thực tế);

b) Phòng học bộ môn: có tối thiểu 04 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

19. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 14 như sau:

“a) Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;”.

20. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 15 như sau:

“2. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 06 phòng học bộ môn, đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 07 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

21. Sửa đổi khoản 1 Điều 16 như sau:

“1. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: đối với trường có quy mô lớn hơn 20 lớp có tối thiểu 08 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Khoa học tự nhiên, Tin học, Ngoại ngữ, Giáo dục công dân, Lịch sử và Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ

môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

22. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 16 như sau:

“3. Khối phụ trợ

a) Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn;

b) Phòng nghỉ giáo viên: có tối thiểu 01 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

c) Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.”.

23. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 17 như sau:

“2. Trường trung học phổ thông có quy mô tối thiểu 15 lớp và tối đa 50 lớp. Đối với trường phổ thông dân tộc nội trú, quy mô số lớp căn cứ số lượng đối tượng tuyển sinh theo Quy chế tổ chức và hoạt động của trường phổ thông dân tộc nội trú của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

24. Sửa đổi khoản 3 Điều 17 như sau:

“3. Tổng diện tích khu đất xây dựng trường được xác định trên cơ sở số lớp, số học sinh với bình quân tối thiểu 10m² cho một học sinh; đối với các đô thị loại III trở lên (theo công nhận loại đô thị của cấp có thẩm quyền) cho phép bình quân tối thiểu 6m² cho một học sinh. Đối với trường có tổ chức nội trú hoặc ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú, diện tích khu đất cho các hạng mục công trình phục vụ nội trú; ăn, ở tập trung cho học sinh bán trú bảo đảm tối thiểu 6m² cho một học sinh.”.

25. Sửa đổi khoản 5 Điều 17 như sau:

“5. Các hạng mục công trình phục vụ trực tiếp cho các hoạt động dạy học và tổ chức các hoạt động giáo dục cao không quá 05 tầng; bảo đảm điều kiện cho học sinh khuyết tật tiếp cận sử dụng.”.

26. Sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 18 như sau:

“2. Khối phòng học tập

a) Phòng học: bảo đảm tối thiểu số lượng 0,6 phòng/lớp; được trang bị đầy đủ: Bàn, ghế học sinh đúng quy cách và đủ chỗ ngồi cho học sinh; bàn, ghế giáo viên; bảng lớp; hệ thống chiếu sáng theo quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - Mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc; hệ thống quạt (có thể trang bị thêm hệ thống điều hòa không khí phù hợp với điều kiện thực tế);

b) Phòng học bộ môn: có tối thiểu 05 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ

thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Lịch sử, Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

27. Sửa đổi điểm a khoản 3 Điều 18 như sau:

“a) Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;”.

28. Sửa đổi khoản 2 và khoản 3 Điều 19 như sau:

“2. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 06 phòng học bộ môn, đối với trường có quy mô lớn hơn 30 lớp có tối thiểu 08 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Lịch sử, Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.

3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: bảo đảm tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 theo quy định tiêu chuẩn thư viện trường trung học của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.”.

29. Sửa đổi khoản 1 Điều 20 như sau:

“1. Khối phòng học tập

Phòng học bộ môn: có tối thiểu 08 phòng học bộ môn theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành để tổ chức dạy học các môn học Âm nhạc, Mỹ thuật, Công nghệ, Tin học, Ngoại ngữ, Vật lí, Hóa học, Sinh học, Giáo dục kinh tế và pháp luật, Lịch sử, Địa lí. Căn cứ điều kiện thực tế, ghép một số phòng học bộ môn theo nguyên tắc: bảo đảm đủ chức năng của các phòng học bộ môn, có chức năng tương đồng, đầy đủ thiết bị cho mỗi môn học, bảo đảm việc bố trí thời gian, không gian để thực hiện dạy học và tổ chức hoạt động giáo dục theo từng chức năng, bảo đảm kế hoạch và định mức giờ dạy trên quy mô học sinh đối với các môn học.”.

30. Sửa đổi, bổ sung khoản 3 Điều 20 như sau:

“3. Khối phụ trợ

a) Phòng các tổ chuyên môn: có đủ số phòng tương ứng với số tổ chuyên môn;

b) Phòng nghỉ giáo viên: có tối thiểu 01 phòng, bố trí liền kề với khối phòng học tập, bảo đảm 10 lớp có 01 phòng;

c) Phòng giáo viên: sử dụng làm nơi làm việc của giáo viên ngoài giờ dạy, trang bị đầy đủ các thiết bị theo quy định hiện hành.”.

31. Sửa đổi điểm a khoản 1 Điều 21 như sau:

“a) Trường phổ thông có nhiều cấp học có quy mô tối thiểu 09 lớp và tối đa 50 lớp (đối với trường có 02 cấp học), tối đa 75 lớp (đối với trường có 3 cấp học)”.

32. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 22 như sau:

“1. Khối phòng học tập

Áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất tối thiểu của từng cấp học tại Quy định này và được bố trí phân khu riêng biệt cho từng cấp học. Đối với trường có các cấp học trên cùng khuôn viên, có thể sử dụng chung các phòng học bộ môn tương đồng, bảo đảm việc sử dụng phù hợp với các cấp học; số lượng các phòng sử dụng chung được tính vào số lượng phòng của từng cấp học.”.

33. Bổ sung khoản 6 Điều 22 như sau:

“6. Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: Đối với trường có cấp học tiểu học, có phòng đọc riêng cho cấp học tiểu học và cấp học khác.”.

34. Sửa đổi, bổ sung khoản 1 Điều 23 như sau:

“1. Khối phòng học tập

Áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 1 của từng cấp học tại Quy định này và được bố trí phân khu riêng biệt cho từng cấp học. Đối với trường có các cấp học trên cùng khuôn viên, có thể sử dụng chung các phòng học bộ môn tương đồng, bảo đảm việc sử dụng phù hợp với các cấp học; số lượng các phòng sử dụng chung được tính vào số lượng phòng của từng cấp học.”.

35. Bổ sung khoản 3 Điều 23 như sau:

“3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: Đối với trường có cấp học tiểu học, có phòng đọc riêng cho cấp học tiểu học và cấp học khác.”.

36. Sửa đổi khoản 1 Điều 24 như sau:

“1. Khối phòng học tập

Áp dụng theo tiêu chuẩn cơ sở vật chất mức độ 2 của từng cấp học tại Quy định này và được bố trí phân khu riêng biệt cho từng cấp học. Đối với trường có các cấp học trên cùng khuôn viên, có thể sử dụng chung các phòng học bộ môn tương

đồng, bảo đảm việc sử dụng phù hợp với các cấp học; số lượng các phòng sử dụng chung được tính vào số lượng phòng của từng cấp học.”.

37. Bổ sung khoản 3 Điều 24 như sau:

“3. Khối phòng hỗ trợ học tập

Thư viện: Đối với trường có cấp học tiểu học, có phòng đọc riêng cho cấp học tiểu học và cấp học khác.”.

38. Sửa đổi, bổ sung quy định tại số thứ tự 1.1, 1.2, 1.3, 1.4 và bổ sung quy định tại số thứ tự 1.5 Phụ lục I định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình trường mầm non (Phụ lục I kèm theo Thông tư này).

39. Sửa đổi, bổ sung quy định tại số thứ tự 2.1, 3.6 Phụ lục II định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình trường tiểu học (Phụ lục II kèm theo Thông tư này).

40. Sửa đổi, bổ sung quy định tại số thứ tự 2.1, 3.5, 3.7, 5.7 Phụ lục III định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình trường trung học cơ sở (Phụ lục III kèm theo Thông tư này).

41. Sửa đổi, bổ sung quy định tại số thứ tự 2.1, 3.7, 5.7 Phụ lục IV định mức diện tích sàn xây dựng các hạng mục công trình trường trung học phổ thông (Phụ lục IV kèm theo Thông tư này).

Điều 2. Bãi bỏ một phần một số điều của Quy định về tiêu chuẩn cơ sở vật chất các trường mầm non, tiểu học, trung học cơ sở, trung học phổ thông và trường phổ thông có nhiều cấp học ban hành kèm theo Thông tư số 13/2020/TT-BGDĐT

1. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và khoản 5 Điều 7.
2. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và điểm a khoản 4 Điều 11.
3. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 4 Điều 15.
4. Bãi bỏ điểm b khoản 1 và điểm a, điểm b khoản 4 Điều 19.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp

1. Đối với các cơ sở giáo dục đã được đánh giá tiêu chuẩn cơ sở vật chất khi công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn quốc gia trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì tiếp tục theo cấp độ, mức độ đã được công nhận. Thời gian chuyển tiếp thực hiện các quy định tại Thông tư này để đánh giá tiêu chuẩn cơ sở vật chất khi công nhận đạt kiểm định chất lượng giáo dục, công nhận đạt chuẩn quốc gia là 05 năm kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực.

2. Đối với các dự án đầu tư xây dựng mới, cải tạo nâng cấp các công trình sự nghiệp của các cơ sở giáo dục đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định trước ngày Thông tư này có hiệu lực thì không xác định lại tiêu chuẩn, định mức

theo Thông tư này.

Điều 4. Điều khoản thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày *31* tháng *01* năm 202*5*.

2. Chánh Văn phòng, Vụ trưởng Vụ Cơ sở vật chất và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ Giáo dục và Đào tạo; Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận: 

- Thủ tướng Chính phủ;
- Các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Tổng Bí thư;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Quốc hội;
- Ủy ban VHGD của Quốc hội;
- Văn phòng Chính phủ;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Ủy ban TW Mặt trận Tổ quốc Việt Nam;
- Các cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Cục KTVBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban Quốc gia đổi mới giáo dục và đào tạo;
- Hội đồng Quốc gia Giáo dục và Phát triển nhân lực;
- Ban Tuyên giáo Trung ương;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc Chính phủ;
- Bộ trưởng;
- Như Điều 5;
- Công TTĐT Chính phủ;
- Công TTĐT Bộ GDĐT;
- Lưu: VT, Vụ PC, Vụ CSVN (10b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**



Phạm Ngọc Thương

PHỤ LỤC I
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRƯỜNG MẦM NON
(kèm theo Thông tư số 23 /2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	Chú thích
1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và phục vụ giáo dục trẻ em				
1.1	Khối phòng nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ				
	Khu sinh hoạt chung	1,50m ² /trẻ em	1,50m ² /trẻ em	1,50m ² /trẻ em	Tổng diện tích không nhỏ hơn 24m ² với nhóm trẻ, 36m ² với lớp mẫu giáo
	Khu ngủ	1,20m ² /trẻ em	1,20m ² /trẻ em	1,20m ² /trẻ em	Tổng diện tích không nhỏ hơn 18m ² với nhóm trẻ, 30m ² với lớp mẫu giáo
	Khu vệ sinh	0,40m ² /trẻ em	0,40m ² /trẻ em	0,40m ² /trẻ em	Tổng diện tích không nhỏ hơn 12m ²
	Hiên chơi, đón trẻ	0,50m ² /trẻ	0,50m ² /trẻ	0,50m ² /trẻ	Chiều rộng thông thủy không nhỏ hơn 2,1m
	Kho nhóm, lớp	-	-	6m ² /kho	
1.2	Phòng giáo dục thể chất, phòng giáo dục nghệ thuật				
	Phòng giáo dục thể chất	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
	Phòng giáo dục nghệ thuật	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	2m ² /trẻ em	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /phòng
1.3	Sân chơi	1m ² /trẻ em	1m ² /trẻ em nhà trẻ; 2m ² /trẻ em mẫu giáo	1m ² /trẻ em nhà trẻ; 2m ² /trẻ em mẫu giáo	
1.4	Phòng làm quen tin học, ngoại ngữ	-	-	40m ² /phòng	
1.5	Thư viện	0,60m ² /trẻ em	- 0,60m ² /trẻ em; - phòng đọc trẻ em 1,50m ² /chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m ² /chỗ; - kho sách kín 2,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; - khu mượn trả và quản lý 6m ² /người làm công tác thư viện	- 0,60m ² /trẻ em; - phòng đọc trẻ em 1,50m ² /chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m ² /chỗ; - kho sách kín 2,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; - khu mượn trả và quản lý 6m ² /người làm công tác thư viện	Tổng diện tích không nhỏ hơn 48m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số trẻ em toàn trường

THƯ VIỆN PHÁP LUẬT * Tel +84-28-3930 3279 * www.ThuVienPhapLuat.vn

PHỤ LỤC II
 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRƯỜNG TIỂU HỌC
 (kèm theo Thông tư số 23 /2024/TT-BGDĐT ngày 16 / 12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	Chú thích
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	- 0,60m ² /học sinh; - phòng đọc học sinh 2,40m ² /chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m ² /chỗ; - kho sách kín 2,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin, kho sách mở 4,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; - khu mượn trả và quản lý 6m ² /người làm công tác thư viện	- 0,60m ² /học sinh; - phòng đọc học sinh 2,40m ² /chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m ² /chỗ; - kho sách kín 2,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin, kho sách mở 4,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; - khu mượn trả và quản lý 6m ² /người làm công tác thư viện	Tổng diện tích không nhỏ hơn 54m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường
3	Khối phụ trợ				
3.6	Phòng nghỉ giáo viên	-	-	12m ² /phòng	

Handwritten signature

PHỤ LỤC III
SỬA ĐỔI, BỔ SUNG
ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ
(kèm theo Thông tư số 23 /2024/TT-BGDĐT ngày 16 /12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	Chú thích
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	- 0,60m ² /học sinh; - phòng đọc học sinh 2,40m ² /chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m ² /chỗ; - kho sách kín 2,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin, kho sách mở 4,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; - khu mượn trả và quản lý 6m ² /người làm công tác thư viện	- 0,60m ² /học sinh; - phòng đọc học sinh 2,40m ² /chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m ² /chỗ; - kho sách kín 2,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin, kho sách mở 4,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; - khu mượn trả và quản lý 6m ² /người làm công tác thư viện	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường
3	Khối phụ trợ				
3.5	Khu để xe học sinh	0,90m ² /xe đạp	0,90m ² /xe đạp	0,90m ² /xe đạp	Số lượng xe được tính từ 50% đến 70% tổng số học sinh toàn trường
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	-	-	12m ² /phòng	
5	Khối phục vụ sinh hoạt				
5.7	Nhà văn hóa	-	0,40m ² /học sinh	0,40m ² /học sinh	

an

PHỤ LỤC IV
 SỬA ĐỔI, BỔ SUNG

ĐỊNH MỨC DIỆN TÍCH SÀN XÂY DỰNG CÁC HẠNG MỤC CÔNG TRÌNH TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
 (kèm theo Thông tư số 23/2024/TT-BGDĐT ngày 16/12/2024 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

STT	Các hạng mục công trình	Tiêu chuẩn tối thiểu	Tiêu chuẩn mức độ 1	Tiêu chuẩn mức độ 2	Chú thích
2	Khối phòng hỗ trợ học tập				
2.1	Thư viện	0,60m ² /học sinh	- 0,60m ² /học sinh; - phòng đọc học sinh 2,40m ² /chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m ² /chỗ; - kho sách kín 2,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; - khu mượn trả và quản lý 6m ² /người làm công tác thư viện	- 0,60m ² /học sinh; - phòng đọc học sinh 2,40m ² /chỗ; - phòng đọc giáo viên 2,40m ² /chỗ; - kho sách kín 2,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; kho sách mở 4,5m ² /1000 đơn vị tài nguyên thông tin; - khu mượn trả và quản lý 6m ² /người làm công tác thư viện	Tổng diện tích không nhỏ hơn 60m ² /thư viện. Quy mô được tính từ 30% đến 50% tổng số học sinh toàn trường
3	Khối phụ trợ				
3.7	Phòng nghỉ giáo viên	-	-	12m ² /phòng	
5	Khối phục vụ sinh hoạt				
5.7	Nhà văn hóa	-	0,40m ² /học sinh	0,40m ² /học sinh	

an